TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 30/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung;

2. Bà Hà Mộng Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường phường Đội - phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: tổ 01, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành M và bà Lê Thị Mỹ L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính và không có án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/12/2018 cho đến nay.

Bị hại: Nguyễn Minh Ph, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: tổ 01, khóm C, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1971; nơi đăng ký thường trú: tổ 01, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1998;

- Nguyễn Quang H, sinh năm 1988;

- Hồ Hùng C, sinh năm 1973;

- Lê Thanh T, sinh năm 1982;

- Lê T V, sinh năm 1988;

- Hồ Thị Phương Th, sinh năm 1969.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng: Nguyễn Quang H, Lê Thanh T, Lê T V, Hồ Thị Phương Th có mặt; bị hại và người làm chứng: Nguyễn Thị Kim D và ông Hồ Hùng C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25/10/2018, Nguyễn Văn Tr điều kH xe mô tô biển số 62K6-9434 từ nhà tại ấp P, xã B, huyện T tỉnh An Giang đến tiệm bán quần áo của bà Hồ Thị Phương Th thuộc khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để mua áo thun về bán lại. Tr mang theo 2.734.000 đồng, 01 tờ polymer giả mệnh giá 500.000 đồng để mua 200 cái áo với giá 13.000 đồng/áo, thành tiền 2.600.000 đồng nhưng do trước đó còn nợ tiền của bà Th 650.000 đồng nên Tr nảy sinh ý định lấy tờ tiền 500.000 đồng giả tiêu thụ để được lấy lại tiền thật trả cho Th. Để thực hiện, Tr ghé vào tiệm tạp hóa "D Thắm" do ông Nguyễn Minh Ph làm chủ thuộc tổ 01, khóm C, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang gặp Nguyễn Thị Kim D mua 01 card điện thoại di động mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng, Tr lấy tờ tiền 500.000 đồng giả trả cho D và được trả lại tiền dư 450.000 đồng, sau đó Tr bỏ đi. D kiểm tra phát hiện tờ tiền là giả nên nói lại cho ông Ph biết, ông Ph dùng xe mô tô đuổi theo đến khu vực phường Châu Phú A thì phát hiện Tr đồng thời truy hô cùng lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ bắt giữ Tr.

Kết luận giám định số 819/KLGT-PC09 ngày 06/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng có số sê ri: EV 15819978 là tiền giả.

Cáo trạng số 13/CT-VKSAG.P1 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố Nguyễn Văn Tr về tội *"Lưu hành tiền giả"* theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, bị cáo làm nghề mua bán quần áo dạo tại các tỉnh, khoảng ngày 22/10/2018, khi bán quần áo tại chợ phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An, có một cặp vợ chồng đến mua áo thun và có đưa trả cho bị cáo tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng. Ngày 24/10/2018, khi về nhà cha mẹ ruột tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, bị cáo kiểm tra lại tiền thì phát hiện tờ

tiền loại polymer mệnh giá 500.000 đồng mà cặp vợ chồng mua áo thun đưa là tiền giả. Do tiếc số tiền bị thất thoát cũng như cần vốn để tiếp tục mua quần áo và trả nợ tiền mua quần áo của bà Th nên bị cáo đã nảy sinh ý định đem tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đến tiệm tạp hóa của ông Ph mua một card điện thoại mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng và chị D thối lại số tiền 450.000 đồng. Sau đó, bị cáo lái xe chạy về hướng trung tâm thành phố Châu Đốc để mua quần áo. Khi bị cáo chạy xe đến khu vực phường Châu Phú A thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ bắt giữ đưa về Công an phường Vĩnh Mỹ lập biên bản.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Lê Thị Mỹ L xác định xe mô tô biển kiểm soát 62K6 – 9434 thu giữ trong vụ án là do bà mua của ông Hồ Hùng C với giá 4.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại, việc Tr sử dụng xe vào việc phạm tội bà không biết, bà yêu cầu được nhận lại xe.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định bị cáo vì muốn có tiền thật để bù vào số tiền mua quần áo nên đã nảy sinh và thực hiện ý định tiêu thụ tiền giả để lấy lại tiền thật, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lưu hành tiền giả"* theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý tiền tệ, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và mới phạm tội lần đầu. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thấy rằng cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

- Giao trả cho bà Lê Thị Mỹ L 01 (một) xe mô tô có nhãn hiệu Kozatha, biển kiểm soát 62K6-9434 do không liên quan đến tội phạm.

- Giao trả cho ông Nguyễn Minh Ph số tiền 450.000 đồng được trích từ số tiền 3.184.000 đồng đã thu giữ trên người của bị cáo và 01 thẻ car điện thoại mạng Viettel, có mệnh giá 50.000 đồng, đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Ph.

- Giao trả cho bị cáo số tiền 2.734.000 đồng sau khi đã khấu trừ số tiền 450.000 đồng giao trả cho ông Ph; 02 thẻ car điện thoại mạng Viettel, có mệnh giá 50.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar cùng các giấy tờ tùy thân và ngoại tệ được thu giữ trên người của bị cáo do không liên quan đến tội phạm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) có số sê ri EV15819978 (đã giám định xác định là tiền giả) do đây là vật cấm lưu hành.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người làm chứng: Nguyễn Thị Kim D và ông Hồ Hùng C vắng mặt, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên. Quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai, ý kiến trình bày nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng vụ án cùng với những tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ có căn cứ xác định:

Bị cáo biết tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng có số sê ri: EV 15819978 là tiền giả mà bị cáo có được từ khách hàng trả cho bị cáo khi mua áo thun của bị cáo. Do tiếc số tiền vốn bỏ ra mua quần áo và cần tiền để trả nợ mua hàng cho bà Th, bị cáo đã sử dụng tờ tiền giả đó mua 01 car điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng tại tiệm tạp hóa của ông Ph và được trả lại tiền thừa bằng tiền thật số tiền 450.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội lưu hành tiền giả.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ tờ tiền tiêu thụ là tiền giả nhưng vẫn cố ý sử dụng với mục đích lấy lại tiền thật. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Lưu hành tiền giả" quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính độc quyền về phát hành và quản lý tiền tệ của Nhà nước, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, nhận thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và luôn thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, phạm tội mang tính nhất thời, xuất phát từ việc tiếc nguồn vốn mua bán bị thiệt hại từ hành vi sử dụng tiền giả của người khác và cần vốn để trả nợ tiền mua hàng cũng như tiếp tục mua hàng để bán, tạo thu thập chăm lo cuộc sống gia đình. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

Ngoài ra, xem xét về hoàn cảnh gia đình, nhận thấy bị cáo hiện còn một người cha đang bệnh nặng, mất sức lao động, mẹ làm nghề mua bán cơm, em ruột là học sinh, bị cáo là lao động chính trong chăm lo cuộc sống gia đình nên có xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự trong quyết định hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chỉ yêu cầu nhận lại số tiền 450.000 đồng và 01 thẻ car điện thoại Viettel không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên không xem xét trong vụ án.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô có nhãn hiệu Kozatha, biển kiểm soát 62K6-9434, đây là tài sản của bà Linh, không liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bà Linh.

- Số tiền 3.184.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo, trong đó có 450.000 đồng là của ông Ph, xét giao trả lại cho ông Ph; số tiền còn lại 2.734.000 đồng là của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- 03 (ba) thẻ car điện thoại mạng Viettel, đều có mệnh giá 50.000 đồng (chưa sử dụng), trong đó có 01 thẻ là của ông Ph, xét giao trả lại cho ông Ph; 02 thẻ car còn lại là của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) có số sê ri EV15819978 (đã giám định xác định là tiền giả), xét tịch thu tiêu hủy do đây là vật cấm lưu hành.

Đối với giấy tờ tùy thân, đồ vật và tài sản khác được thu giữ trên người của bị cáo do không liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bị cáo (chi tiết như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/3/2019 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang).

[09] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Tr phạm tội: "*Lưu hành tiền giả*";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tr: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày 26/12/2018 (*hai mươi sáu, tháng mươi hai, năm hai nghìn không trăm mười tám).*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) có số sê ri EV15819978 (đã giám định xác định là tiền giả).

- Giao trả cho bà Lê Thị Mỹ L 01 (một) xe mô tô có nhãn hiệu Kozatha, màu đỏ, biển kiểm soát 62K6-9434, số máy VUMYG150MH136594, số khung RMCWCH3UM61000594.

- Giao trả cho ông Nguyễn Minh Ph số tiền 450.000 (*bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng; giao trả cho bị cáo số tiền 2.734.000 đồng được trích từ số tiền 3.184.000 (*ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn*) đồng mà Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang đã thu giữ, hiện Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang đã chuyển từ tài khoản của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang đến tài khoản của Cục thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.734.000 đồng giao trả cho bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Giao trả cho ông Nguyễn Minh Ph 01 thẻ car điện thoại mạng Viettel, có mệnh giá 50.000 đồng (chưa sử dụng, còn nguyên vẹn).

- Giao trả cho bị cáo 02 thẻ car điện thoại mạng Viettel, có mệnh giá 50.000 đồng (chưa sử dụng, còn nguyên vẹn).

Giao trả cho bị cáo giấy tờ tùy thân, đồ vật và tài sản khác gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu đen, có số IMEI: 359655420341131;

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62K6-9434 mang tên Nguyễn Thị Kim Thu;

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Tr;

- 01 (một) giấy CMND mang tên Nguyễn Văn Tr;

- 01 (một) thẻ thanh toán Plus Sacombank;

- 01 (một) giấy chứng nhận bản sao đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67C1-271.14;

- 02 (hai) tờ vé số kiến thiết Cần Thơ, ký hiệu K4T10, ngày 24/10/2018 gồm các số 844798;

- 03 (ba) tờ vé số kiến thiết An Giang, ký hiệu AG10K4, ngày 25/10/2018 gồm các số 219003;

- 01 (một) tờ vé số kiến thiết An Giang, ký hiệu AG10K4, ngày 25/10/2018 gồm các số 340412;

- 01 (một) tờ vé số kiến thiết An Giang, ký hiệu AG10K4, ngày 25/10/2018 gồm các số 240412;

- 01 (một) tờ tiền hàn Quốc, mệnh giá 1000Won, số sê ri DE2938682D;

- 01 (một) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 01 USD số sê ri CD64199332D;

- 01 (một) tời tiền Đài Loan, mệnh giá 100 Tân Đài tệ, số sê ri TX271700AM;

- 01 (môt) thẻ thông tin về tài khoản Ngân hàng tên Nguyễn Văn Tr;

- 01 (một) giấy viết tay màu trắng có nội dung về việc mua bán xe giữa ông Hồ Hùng C và bà Lê Thị Mỹ L.

(Chi tiết như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/3/2019 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Lê Thị Mỹ L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thanh Tâm